

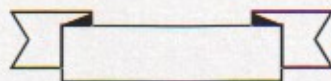
CTY CP VTKT NÔNG NGHIỆP
CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CTY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
(Quý IV năm 2012)



NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255,749,319,359	646,817,610,993
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	12,353,578,295	135,913,942,411
1. Tiền	111		12,353,578,295	135,913,942,411
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2	18,336,274,678	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18,336,274,678	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.3	92,620,951,012	119,722,463,791
1. Phải thu khách hàng	131		90,386,586,786	54,623,928,681
2. Trả trước cho người bán	132		5,199,959,842	60,685,455,148
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		654,404,384	4,413,079,962
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,620,000,000)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.4	127,148,333,178	372,082,172,380
1. Hàng tồn kho	141		127,148,333,178	379,883,887,560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7,801,715,180)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		5,290,182,196	19,099,032,411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,628,569,061	17,274,687,971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.5	1,303,113,135	1,592,444,440
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		358,500,000	231,900,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182,838,247,236	188,248,271,430
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		97,482,232,860	102,892,257,054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	42,766,184,203	48,147,590,048
- Nguyên giá	222		74,882,661,427	74,539,588,700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32,116,477,224)	(26,391,998,652)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	37,839,211,287	38,418,609,637
- Nguyên giá	228		40,231,961,029	40,231,961,029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,392,749,742)	(1,813,351,392)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	16,876,837,370	16,326,057,369
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.9	85,356,014,376	85,356,014,376
1. Đầu tư vào công ty con	251		83,310,359,376	83,310,359,376
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,045,655,000	2,045,655,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		438,587,566,595	835,065,882,423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

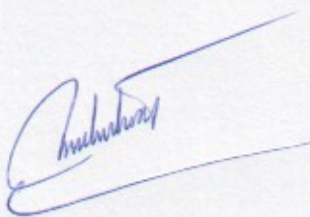
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		318,450,403,765	640,114,149,228
I. Nợ ngắn hạn	310		318,450,403,765	640,114,149,228
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	298,762,387,794	613,142,388,530
2. Phải trả người bán	312	V.11	778,650,120	19,278,650,133
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	320,660,712	351,871,088
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	259,557,061	192,661,437
5. Phải trả người lao động	315		2,307,934,504	4,355,787,369
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	12,643,828,264	1,276,256,756
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,377,385,310	1,516,533,915
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120,137,162,830	194,951,733,195
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	120,137,162,830	194,951,733,195
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83,129,150,000	83,129,150,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,389,610,000	2,389,610,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127,728,500	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,807,416,804)	(3,807,416,804)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	127,728,500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(588,034,729)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		66,657,559,505	58,122,831,970
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26,953,486,997	26,953,486,997
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(55,312,955,368)	28,624,377,261
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		438,587,566,595	835,065,882,423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		389,329.40	3,974,258.94
- EUR		280.83	291.75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Bùi Đức Hoàn
Người lập



Trần Xuân Điếu
Kế toán trưởng

Phạm Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2013

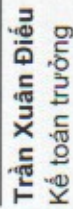
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2011	2012
			Quý VI năm 2011	Quý VI năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		381,177,185,119	2,243,031,110,065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	182,377,400
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	381,177,185,119	2,242,848,732,665
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	361,808,780,468	2,211,648,629,394
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	19,368,404,651	31,200,103,271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	12,704,948,949	27,123,652,753
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	21,423,496,594	75,464,674,053
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,334,487,259	71,425,509,211
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	3,636,859,860	31,189,529,516
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5,817,646,763	10,887,791,341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,195,350,383	(59,218,238,886)
11. Thu nhập khác	31		-	177,174,102
12. Chi phí khác	32		-	454,254
13. Lợi nhuận khác	40		-	176,719,848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.6	1,195,350,383	(59,041,519,038)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.6	1,195,350,383	24,589,231,255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		149	(7,368)
				3,069


Bùi Đức Hoàn
 Người lập


Trần Xuân Diệu
 Kế toán trưởng


Phạm Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2013

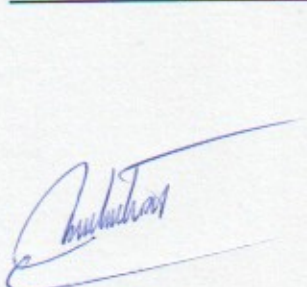


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012**

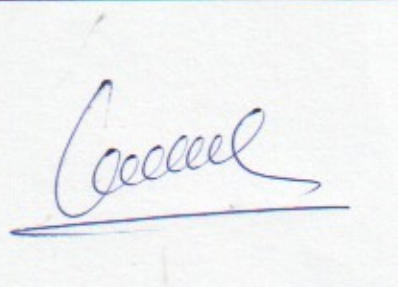
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2,338,213,024,186	2,456,968,437,710
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2,228,095,069,951)	(2,289,212,166,499)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7,144,231,365)	(7,507,523,441)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(71,806,307,608)	(83,494,584,617)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(5,448,873,237)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	351,869,132,747	36,706,002,020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(191,970,111,517)	(94,926,795,868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	191,066,436,492	13,084,496,068
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(26,732,727)	(4,291,490,416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(57,466,583,560)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	54,598,745,291
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5,300,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,776,396,620	10,874,635,541
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4,749,663,893	(1,584,693,144)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(3,807,416,804)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,154,740,420,609	2,623,399,147,084
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,473,897,438,994)	(2,582,934,225,462)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(208,082,250)	(8,104,742,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(319,365,100,635)	28,552,762,068
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(123,549,000,250)	40,052,564,992
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	135,913,942,411	96,688,028,894
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11,363,866)	(826,651,475)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12,353,578,295	135,913,942,411



Bùi Đức Hoàn
Người lập



Trần Xuân Điều
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần thơ được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo Quyết định số 2500/QĐ – CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000, tương ứng 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2012 là 83.129.150.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

Công ty CP Nông dược TSC (TSP);

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. *Ngành nghề kinh doanh*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

4. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:* không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm 2012 được bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/12/2012.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. *Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 " Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

Năm 2011, Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ theo Thông tư số 201/2009/TT – BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Sự khác biệt về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo VAS 10 và Thông tư 201 được mô tả như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư trong đầu kỳ kế toán tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ phải thu dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Trường hợp lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, hạch toán vào chi phí tài chính. Nếu ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<p>phải trả dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ.</p>		<p>doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch lỗ còn lại sẽ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ vào chi phí tài chính cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.</p> <p>Trường hợp lãi chênh lệch tỷ giá hồi đoái, hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.</p>
---	--	---

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua. Toàn bộ chi phí thu mua như chi phí vận chuyển, bốc xếp được hạch toán thẳng vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thẻ hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất (*)	48 năm
- Bản quyền nhãn thuốc	01 năm

(*) Đây là Quyền sử dụng đất kho Long An có thời hạn. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng các quyền sử dụng đất do công ty mua nhưng trên giấy CNQSD đất có ghi thời hạn Công ty chưa trích khấu hao với tổng nguyên giá là 18.788.718.549.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2012, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng. Tại ngày 31/12/2012, Công ty không có số dư chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ.CPVTKTNN Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức ngày 21/03/2012. Tổng quỹ lương năm 2012 là 9.000.000.000. Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh năm 2012 gặp nhiều khó khăn nên Công ty chỉ trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 4.625.000.000 tương đương 51,30% tổng quỹ lương được duyệt.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Việc ước tính này sẽ được thực hiện vào cuối năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty đã trích Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Nghị định số 122/2011/NĐ - CP ngày 27/12/2011 do đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên. Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa chia cổ tức năm 2011.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập và tờ khai hải quan hàng xuất khẩu khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

12. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2012, Công ty kinh doanh lỗ nên không phát sinh thu nhập tính thuế cũng như chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Tiền mặt	210.853.047	282.021.998
Tiền gửi ngân hàng	12.142.725.248 (a)	135.631.920.413
Cộng	12.353.578.295	135.913.942.411

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Ngân hàng	USD	EUR	VND	Tương đương VND
- Vietcombank, CN. Cần Thơ	386.584,27	280,83	1.128.843.519	9.175.595.099
- Vietcombank, TP. HCM	-	-	324.438.607	324.438.607
- Vietinbank, CN. Cần Thơ	202,27	-	2.533.395.137	2.537.605.387
- Các ngân hàng khác	2.542,86	-	44.516.826	105.086.155
Cộng	389.329,40	280,83	4.031.194.089	12.142.725.248

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Đầu tư ngắn hạn	18.336.274.678 (b)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	18.336.274.678	-

(b) Chi tiết số dư đầu tư ngắn hạn vào ngày 31/12/2012 như sau:

Đối tượng	Số tiền
- Công ty con – Công ty CP Nông Dược TSC (vay)	18.336.274.678
Cộng	18.336.274.678

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Phải thu khách hàng	90.386.586.786 (c)	54.623.928.681
Trả trước cho người bán	5.199.959.842 (d)	60.685.455.148
Các khoản phải thu khác	654.404.384 (e)	4.413.079.962
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.620.000.000)	-
Cộng	92.620.951.012	119.722.463.791

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng mua phân bón	41.964.825.941	3.620.000.000
- Phải thu khách hàng mua gạo	47.478.933.197	-
- Phải thu Công ty CP Nông Dược TSC	573.297.240	-
- Phải thu khách hàng khác	369.530.408	-
Cộng	90.386.586.786	3.620.000.000

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Trả trước nhà cung cấp gạo	5.199.959.842
Cộng	5.199.959.842

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty CP Nông dược TSC	52.600.078
- Phòng quản lý đô thị Cái Răng	300.000.000
- Công ty điện báo điện thoại Cần Thơ	1.280.000
- Lê Thành Long	246.800.000
- Các đối tượng khác	53.724.306
Cộng	654.404.384

4. Hàng tồn kho

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Hàng hóa tồn kho	127.148.333.178 (f)	379.883.887.560
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.801.715.180)
Cộng	127.148.333.178	372.082.172.380

(f) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2012 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Phân bón	127.148.333.178
Cộng	127.148.333.178

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 7.801.715.180
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Thuế TNDN nộp thừa	1.303.113.135	1.592.444.440
Cộng	1.303.113.135	1.592.444.440

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2012</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31-12-2012</u>
Nguyên giá	74.539.588.700	343.072.727	-	74.882.661.427
- Nhà cửa, vật kiến trúc	59.666.527.771	-	-	59.666.527.771
- Máy móc thiết bị	8.777.368.863	343.072.727	-	9.120.441.590
- Phương tiện vận tải	6.095.692.066	-	-	6.095.692.066
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-
Hao mòn lũy kế	26.391.998.652	5.724.478.572	-	32.116.477.224
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.381.833.638	4.727.456.624	-	21.109.290.262
- Máy móc thiết bị	6.558.128.390	494.121.756	-	7.052.250.146
- Phương tiện vận tải	3.452.036.624	502.900.192	-	3.954.936.816
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Loại tài sản	01-01-2012	Tăng	Giảm	31-12-2012
Giá trị còn lại	48.147.590.048			42.766.184.203
- Nhà cửa, vật kiến trúc	43.284.694.133			38.557.237.509
- Máy móc thiết bị	2.219.240.473			2.068.191.444
- Phương tiện vận tải	2.643.655.442			2.140.755.250
- Thiết bị quản lý	-			-

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 11.607.597.375
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.046.631.012
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2012 như sau:

	Số tiền
- Hệ thống khuôn sản xuất chai Pét	200.000.000
- Hệ thống PCCC kho Long An	109.700.000
- Hệ thống tời kho Long An	16.000.000
- Máy tính xách tay Sony	17.372.727
Cộng	343.072.727

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2012	Tăng	Giảm	31-12-2012
Nguyên giá	40.231.961.029	-	-	40.231.961.029
- Quyền sử dụng đất	40.095.597.394			40.095.597.394
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635			136.363.635
Hao mòn lũy kế	1.813.351.392	579.398.350	-	2.392.749.742
- Quyền sử dụng đất	1.813.351.392	443.034.715		2.256.386.107
- Bản quyền nhãn thuốc	-	136.363.635		136.363.635
Giá trị còn lại	38.418.609.637			37.839.211.287
- Quyền sử dụng đất	38.282.246.002			37.839.211.287
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635			-

Quyền sử dụng của Công ty hầu hết đều là đất có thời hạn sử dụng. Tuy nhiên, chỉ có quyền sử dụng đất tại kho Long An là có trích khấu hao trên tổng nguyên giá là 21.306.878.845. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.876.837.370 (g)	16.326.057.369
Cộng	16.876.837.370	16.326.057.369

(g) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC	16.326.057.370
- Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	550.780.000
Cộng	16.876.837.370

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Đầu tư vào công ty con	83.310.359.376 (h)	83.310.359.376
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000 (i)	2.045.655.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	85.356.014.376	85.356.014.376

(h) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	31.483.800.000	97,27%	30.624.300.000	31.735.359.376
- Công ty CP Nông dược TSC	90.000.000.000	57,31%	51.575.000.000	51.575.000.000
Cộng	121.483.800.000		82.199.300.000	83.310.359.376

(i) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
Cộng	40.500.000.000		2.025.000.000	2.045.655.000

10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Vay và nợ ngắn hạn	298.762.387.794 (j)	613.142.388.530
Cộng	298.762.387.794	613.142.388.530

(j) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2012 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Cần Thơ	4.911.166,00	102.225.920.290	78.898.000.000	181.123.920.290
- Vietcombank, CN Cần Thơ (Vay Chiết khấu)	660.899,00	13.756.409.947	-	13.756.409.947
- Vietinbank, CN Cần Thơ	-	-	77.700.000.000	77.700.000.000
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	-	-	7.086.015.423	7.086.015.423
- Vay cá nhân – Trần Ngọc Diễm	-	-	19.096.042.134	19.096.042.134
Cộng	5.572.065,00	115.982.330.237	182.780.057.557	298.762.387.794

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Phải trả người bán	778.650.120 (k)	19.278.650.133
Người mua trả tiền trước	320.660.712 (l)	351.871.088
Cộng	1.099.310.832	19.630.521.221

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

Nhà cung cấp	USD	VND	Tương đương VND
- Các nhà cung cấp khác		778.650.120	778.650.120
Cộng	-	778.650.120	778.650.120

(l) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	USD	VND	Tương đương VND
- Công ty TNHH Nguyễn Duy	-	211.999.998	211.999.998
- Các khách hàng khác	-	108.660.714	108.660.714
Cộng	-	320.660.712	320.660.712

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
- Thuế thu nhập cá nhân	259.557.061	192.661.437
Cộng	259.557.061	192.661.437

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	12.643.828.264 (m)	1.276.256.756
Cộng	12.643.828.264	1.276.256.756

(m) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền
- Bộ thương mại	85.000.000
- Cổ tức phải trả	12.558.828.264
Cộng	12.643.828.264

14. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2011	Tăng	Giảm	31/12/2012
- Vốn đầu tư của CSH	83.129.150.000	-	-	83.129.150.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.389.610.000	-	-	2.389.610.000
- Vốn khác của CSH	-	127.728.500	-	127.728.500
- Cổ phiếu quỹ	(3.807.416.804)	-	-	(3.807.416.804)
- Chênh lệch đánh giá lại ts	127.728.500	-	127.728.500	0
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(588.034.729)	8.156.765.196	7.568.730.467	0
- Quỹ đầu tư phát triển	58.122.831.970	8.534.727.535	-	66.657.559.505
- Quỹ dự phòng tài chính	26.953.486.997	-	-	26.953.486.997
- LN sau thuế chưa PP	28.624.377.261	-	83.937.332.629	(55.312.955.368)
Cộng	194.951.733.195	16.819.221.231	91.633.791.596	120.137.162.830

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 300.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

(b) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	83.129.150.000	83.129.150.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	83.129.150.000	83.129.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) *Cổ phiếu*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.312.915	8.312.915
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	300.000	300.000
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.012.915	8.012.915
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.012.915	8.012.915
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu phân bón	1.649.779.445.197	1.636.080.721.026	13.698.724.171	0,83%
- Doanh thu gạo	587.722.510.144	574.960.976.756	12.761.533.388	2,17%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.346.777.324	606.931.612	4.739.845.712	88,65%
Doanh thu thuần	2.242.848.732.665	2.211.648.629.394	31.200.103.271	1,39%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.874.118.695	1.687.345.541
- Lãi CLTG hối đoái phát sinh	489.948.524	-
- Lãi chậm thanh toán	14.369.318.534	8.988.742.559
- Cổ tức	10.390.267.000	9.187.290.000
- Thu nhập tài chính khác	-	10.412.500
Cộng	<u>27.123.652.753</u>	<u>19.873.790.600</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	71.425.509.211	83.494.584.617
- Lỗ CLTG hối đoái phát sinh, mua bán ngoại tệ	4.039.164.842	7.660.011.497
Cộng	<u>75.464.674.053</u>	<u>91.154.596.114</u>

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.704.436.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.076.347.538
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.064.251.046
- Chi phí bằng tiền khác	1.344.494.932
Cộng	<u>31.189.529.516</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.076.271.817
- Chi phí vật liệu quản lý	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	126.535.369
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.430.919.641
- Thuế, phí và lệ phí	38.028.182
- Chi phí dự phòng	3.620.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	661.590.303
- Chi phí bằng tiền khác	1.934.446.029
Cộng	<u>10.887.791.341</u>

6. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2012	28.624.377.261
Lỗ kế toán trước thuế năm 2012	(59.041.519.038)
Nộp thuế TNCN (cổ tức 2010)	208.082.251
Chi các khoản chi sau thuế	387.831.305
Trích quỹ đầu tư phát triển từ LNST năm 2011	8.534.727.535
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2011	3.295.800.000
Chia cổ tức năm 2011	12.469.372.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2012	(55.312.955.368)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai
3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2012, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Khu công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, TPCT	Công ty con
Công ty CP Nông dược TSC	Khu công nghiệp Đức Hòa, Long An	Công ty con
Ông Trương Tấn Lộc Bà Trần Ngọc Diễm		Thành viên HĐQT Vợ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	7.086.015.423
Công ty CP Nông dược TSC	Phải thu khách hàng	573.297.240
	Phải thu khác	52.600.078
	Cho vay ngắn hạn	18.336.274.678
Ông Trương Tấn Lộc	Phải thu khách hàng	4.039.758.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	19.096.042.134

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	144.770.354.960
	Cho vay và trả nợ vay	139.054.798.508
	Lãi vay	613.849.209
Công ty CP Nông dược TSC	Cho vay	39.033.358.132
	Nhận trả nợ gốc vay	24.362.083.454
	Lãi cho vay	1.576.220.676
	Lãi vay	417.971.867
Ông Trương Tấn Lộc	Doanh thu bán phân	2.242.000.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	19.096.042.134
	Trả nợ vay	16.616.409.518
	Lãi vay	1.447.610.587

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (lĩnh vực kinh doanh)

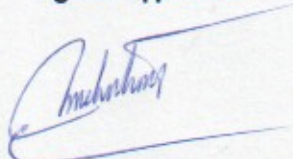
Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận
Doanh thu phân bón	1,649,779,445,197	1,667,086,494,137	(17,307,048,940)
Doanh thu gạo	587,722,510,144	586,006,568,853	1,715,941,291
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,346,777,324	632,887,262	4,713,890,062
Doanh thu tài chính	27,123,652,753	75,464,674,053	(48,341,021,300)
Doanh thu khác	177,174,102	454,254	176,719,848
Tổng cộng	2,270,149,559,520	2,329,191,078,558	(59,041,519,038)

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	58,31	77,46
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	41,69	22,54
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72,61	76,65
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27,39	23,35
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,38	1,30
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,80	1,01
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,10	0,21
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(2,60)	1,10
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(2,60)	0,95
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(13,46)	3,41
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(13,46)	2,94
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	(49,15)	12,61

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN ĐIẾU

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN TUẤN